

	$A: 2\sqrt{\frac{41}{5}};$ $B: 2\sqrt{\frac{42}{5}};$ $C: 2\sqrt{\frac{43}{5}};$ $D: 2\sqrt{\frac{44}{5}};$	
Câu 123 :	<p>Các cạnh $AB = c$, $BC = a$, $AC = b$ của một tam giác ABC thỏa hệ thức: $b(b^2 - a^2) = c(a^2 - c^2)$. Như thế góc \hat{A} sẽ là bao nhiêu độ</p> <p>$A: 30^\circ;$ $B: 45^\circ;$ $C: 60^\circ;$ $D: 90^\circ$</p>	
Câu 124 :	<p>Cho ΔABC có $AB = c$; $BC = a$; $AC = b$; các cạnh a, b, c liên hệ với nhau bởi đẳng thức $a^2 + b^2 = 5c^2$. Góc giữa hai trung tuyến AM và BN là góc nào?</p> <p>$A: 30^\circ;$ $B: 45^\circ;$ $C: 60^\circ;$ $D: 90^\circ$</p>	
Câu 125 :	<p>Cho ΔABC có $AB = \sqrt{6} - \sqrt{2}$; $BC = 2\sqrt{3}$; $AC = 2\sqrt{2}$. Gọi AD là phân giác trong của góc A. Số đo của góc ADB là bao nhiêu độ?</p> <p>$A: 45^\circ;$ $B: 60^\circ;$ $C: 75^\circ$ $D: 90^\circ$</p>	
Câu 126 :	<p>Cho ΔABC có các cạnh a, b, c và diện tích $S = \frac{1}{4}(a+b-c)(a+c-b)$. Tam giác này có dạng đặc biệt nào?</p> <p>$A: \text{tam giác cân};$ $B: \text{tam giác đều};$ $C: \text{tam giác vuông};$ $D: \text{tam giác vuông cân}$</p>	
Câu 127 :	<p>Cho tam giác nhọn ABC có $AC = b$, $BC = a$. BB' là đường cao kẻ từ B và góc $CBB' = \alpha$. Biểu thức tính bán kính của đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC theo a, c, α là biểu thức nào?</p> <p>$A: R = \frac{\sqrt{a^2 + b^2 - 2ab \cos \alpha}}{2 \sin \alpha};$ $B: \frac{\sqrt{a^2 + b^2 - 2ab \cos \alpha}}{2 \sin \alpha};$ $C: R = \frac{\sqrt{a^2 + b^2 - 2ab \sin \alpha}}{2 \cos \alpha};$ $D: R = \frac{\sqrt{a^2 + b^2 + 2ab \sin \alpha}}{2 \sin \alpha};$</p>	
Câu 128 :	<p>Cho tam giác ABC vuông tại A. Biết đường cao $AH = 32\text{cm}$, hai cạnh AB và AC tỉ lệ với 3 và 4. Cạnh nhỏ nhất của tam giác này có số đo nào?</p> <p>$A: 38\text{ cm};$ $B: 40\text{cm};$ $C: 42\text{cm};$ $D: 45\text{cm}$</p>	
CHƯƠNG III: PHƯƠNG PHÁP TOẠ ĐỘ TRONG MẶT PHẪNG		
Câu 129 :	<p>Đường thẳng $2x + y - 1 = 0$ có vectơ pháp tuyến là vectơ nào:</p> <p>$A. \vec{n} = (2; -1)$ $B. \vec{n} = (1; -1)$ $C. \vec{n} = (2; 1)$ $D. \vec{n} = (-1; 2)$</p>	
Câu 130 :	<p>Đường trung trực của đoạn thẳng AB với $A = (-2; 2)$, $B = (-3; 3)$ có vectơ pháp tuyến là vectơ nào:</p> <p>$A. \vec{n} = (6; 5)$ $B. \vec{n} = (0, 1)$ $C. \vec{n} = (-3; 5)$ $D. \vec{n} = (-1; 0)$</p>	
Câu 131 :	<p>Phương trình nào là phương trình tham số của đường thẳng $x - y + 3 = 0$?</p>	

	<p>A. $\begin{cases} x = t \\ y = 3 + t \end{cases}$ B. $\begin{cases} x = 3 \\ y = t \end{cases}$ C. $\begin{cases} x = 2 + t \\ y = 1 + t \end{cases}$ D.</p> <p>$\begin{cases} x = t \\ y = 3 - t \end{cases}$</p>	
Câu 132 :	<p>Véc tơ nào là véc tơ pháp tuyến của đường thẳng có phương trình :</p> <p>$\begin{cases} x = -1 + 2t \\ y = 3 - t \end{cases}$?</p> <p>A. $\vec{n} = (2 ; -1)$ B. $\vec{n} = (-1 ; 2)$ C. $\vec{n} = (1 ; -2)$ D. $\vec{n} = (1 ; 2)$</p>	
Câu 133 :	<p>Đường thẳng nào không cắt đường thẳng $2x + 3y - 1 = 0$?</p> <p>A. $2x + 3y + 1 = 0$ B. $x - 2y + 5 = 0$ C. $2x - 3y + 3 = 0$ D. $4x - 6y - 2 = 0$</p>	
Câu 134 :	<p>Đường thẳng nào song song với đường thẳng $x - 3y + 4 = 0$?</p> <p>A. $\begin{cases} x = 1 + t \\ y = 2 + 3t \end{cases}$ B. $\begin{cases} x = 1 - t \\ y = 2 + 3t \end{cases}$</p> <p>C. $\begin{cases} x = 1 - 3t \\ y = 2 + t \end{cases}$ D. $\begin{cases} x = 1 - 3t \\ y = 2 - t \end{cases}$</p>	
Câu 135 :	<p>Đường thẳng nào song song với đường thẳng $\begin{cases} x = 3 - t \\ y = 2 - t \end{cases}$?</p> <p>A. $\begin{cases} x = 5 + t \\ y = 2t \end{cases}$ B. $\begin{cases} x = 5 + t \\ y = -2t \end{cases}$</p> <p>C. $\begin{cases} x = 5 - 2t \\ y = t \end{cases}$ D. $\begin{cases} x = 5 + 4t \\ y = 2t \end{cases}$</p>	
Câu 136 :	<p>Đường thẳng nào vuông góc với đường thẳng $4x - 3y + 1 = 0$?</p> <p>A. $\begin{cases} x = 4t \\ y = -3 - 3t \end{cases}$ B. $\begin{cases} x = 4t \\ y = -3 + 3t \end{cases}$</p> <p>C. $\begin{cases} x = -4t \\ y = -3 - 3t \end{cases}$ D. $\begin{cases} x = 8t \\ y = -3 + t \end{cases}$</p>	
Câu 137 :	<p>Đường thẳng nào vuông góc với đường thẳng $\begin{cases} x = -1 + t \\ y = -1 + 2t \end{cases}$?</p> <p>A. $2x + y + 1 = 0$ B. $x + 2y + 1 = 0$</p> <p>C. $4x - 2y + 1 = 0$ D. $\frac{x+1}{1} = \frac{y+1}{2}$</p>	
Câu 138 :	<p>Khoảng cách từ điểm O (0;0) đến đường thẳng $4x - 3y - 5 = 0$ bằng bao nhiêu ?</p> <p>A. 0 B. 1 C. -5 D. $\frac{1}{5}$</p>	
Câu 139 :	<p>Phương trình đường thẳng qua A(3 ; -2) và có vectơ chỉ phương $(-2 ; 6)$ là:</p> <p>A. $3x + y - 7 = 0$; B. $-x + 3y + 9 = 0$;</p> <p>C. $x + 3y + 3 = 0$; D. $3x - y - 11 = 0$.</p>	
Câu 140 :	<p>Cho tam giác ABC với A(2 ; 4), B(2 ; 1) và C(5 ; 0). Trung tuyến CM (M ∈ AB) qua điểm N có hoành độ bằng 20 thì tung độ bằng:</p>	

	A. -12 ; 13,5.	B. -12,5 ;	C. -13 ;	D. -
Câu 141 :	Khoảng cách giữa hai đường thẳng song song: $3x - 4y + 2 = 0$ và $3x - 4y - 3 = 0$ là A. $-\frac{1}{5}$; khác.			
		B. 1 ;	C. 5 ;	D. Đáp số
Câu 142 :	Có hai điểm thuộc Ox và cách đường thẳng $2x - y + 5 = 0$ là $2\sqrt{5}$, tích hai hoành độ của chúng là A. $-\frac{75}{4}$; khác.			
		B. $-\frac{25}{4}$;	C. $-\frac{225}{4}$;	D. Đáp số
Câu 143 :	Hai đường thẳng d : $mx + y - 5 = 0$ và d' : $(m - 3)x + 5y + m = 0$ song song khi m bằng: A. $\frac{4}{3}$; khác.			
		B. $-\frac{4}{3}$;	C. $\frac{3}{4}$;	D. $-\frac{3}{4}$
Câu 144 :	Đường thẳng d : $3x - 2y + 8 = 0$ tiếp xúc với đường tròn tâm I(1 ; -1), bán kính là: A. $\frac{5}{\sqrt{13}}$; khác.			
		B. $\sqrt{13}$;	C. 13 ;	D. Đáp số
Câu 145 :	Khoảng cách từ giao điểm của hai đường thẳng $x+y-3=0$ và $2x-3y+4=0$ đến điểm A(4; -2) là bao nhiêu ? A. 4 khác.			
		B. 5	C. 3	D. 6
Câu 146 :	Phương trình đường thẳng qua A(3 ; -2) và có vectơ chỉ phương (-2 ; 6) là: A. $3x + y - 7 = 0$; khác.			
		B. $-x + 3y + 9 = 0$;	C. $x + 3y + 3 = 0$;	D. $3x - y - 11 = 0$.
Câu 147 :	Gọi α là góc của hai đường thẳng : $y = 5x + 3$ và $x - 5y - 1 = 0$, thế thì giá trị của $\cos \alpha$ bằng: A. $\frac{1}{26}$; khác.			
		B. $\frac{2}{13}$;	C. $\frac{5}{13}$;	D. 0.
Câu 148 :	Cho ba đường thẳng : $x + 3y - m = 0$, $x - y - 3 = 0$, $x + y - 1 = 0$. Hỏi giá trị của m bằng bao nhiêu để ba đường thẳng này cắt nhau tại một điểm ? A. $m = -1$ khác.			
		B. $m = 2$	C. $m = 1$	D. $m = -2$
Câu 149 :	Toạ độ của điểm A' là điểm đối xứng của điểm A(1 ; 4) qua đường thẳng Δ : $x - 2y + 2 = 0$ là cặp số nào? A. (1 ; 4) khác.			
		B. (-1 ; 8)	C. (5 ; -4)	D. (3 ; 0)
Câu 150 :	Phương trình các đường thẳng đi qua điểm A(3 ; 2) và tạo với hai trục toạ độ một tam giác có diện tích bằng 4 là các phương trình nào? A. $y = 3(x - 3) + 2$ và $y = \frac{1}{3}(x - 3) + 2$ khác.			
		B. $y = 4(x - 3) + 2$ và $y = \frac{1}{4}(x - 3) + 2$	C. $y = 2(x - 3) + 2$ và $y = \frac{2}{9}(x - 3) + 2$	

	D. $y = -2(x - 3) + 2$ và $y = -\frac{2}{9}(x - 3) + 2$	
Câu 151 :	Một đường thẳng có hệ số góc $k = -2$ và đi qua điểm $A(-1 ; 6)$ cắt hai trục tọa độ tại hai điểm M và N. Hỏi độ dài đoạn thẳng MN bằng bao nhiêu ? A. $\sqrt{5}$ B. $2\sqrt{5}$ C. 20 D. 4 .	
Câu 152 :	Khoảng cách từ điểm M nằm trên đường thẳng $\Delta : \begin{cases} x = 1 + t \\ y = -2 + t \end{cases}$ đến điểm $A(3 ; 1)$ bằng 5. Hỏi tọa độ của điểm M là các cặp số nào? A. (7 ; 4) và (0 ; -3) B. (2 ; -1) và (0 ; -3) C. (7 ; 4) và (3 ; 0) D. (3 ; 0) và (2 ; -1)	
Câu 153 :	Khoảng cách nhỏ nhất từ điểm $A(4 ; 5)$ đến đường thẳng $\Delta : \begin{cases} x = t \\ y = 3 - t \end{cases}$ bằng bao nhiêu ? A. 3 B. $2\sqrt{3}$ C. $3\sqrt{2}$ D. 2 .	
Câu 154 :	Cho điểm M nằm trên đường thẳng $\Delta : \begin{cases} x = t \\ y = 2t + 1 \end{cases}$ và cách đều hai điểm $A(-2 ; 2)$ và $B(4 ; -6)$. Hỏi tọa độ của điểm M là cặp số nào? A. (3 ; 7) B. (-3 ; -5) C. (2 ; 5) D. (-2 ; -3)	
Câu 155 :	Nếu khoảng cách từ giao điểm của hai đường thẳng $\begin{cases} x = t \\ y = 2 - t \end{cases}$ và $x - 2y + m = 0$ đến gốc tọa độ bằng 2 thì giá trị của m bằng bao nhiêu ? A. $m = -4$ hoặc $m = 2$, B. $m = -4$ hoặc $m = -2$, C. $m = 4$ hoặc $m = 2$, D. $m = 4$ hoặc $m = -2$	
Câu 156 :	Nếu đường thẳng $\Delta : mx - y + 3 = 0$ cách đều hai điểm $A(1 ; 1)$ và $B(-2 ; 4)$ thì giá trị của m bằng bao nhiêu? A. $m = 1$ hoặc $m = -2$, B. $m = -1$ hoặc $m = 2$, C. $m = -1$ hoặc $m = 1$, D. $m = 2$ hoặc $m = -2$	
Câu 157 :	Các đường thẳng đi qua điểm $A(0 ; -4)$ và cách gốc tọa độ một khoảng bằng 2 có hệ số góc k bằng bao nhiêu? A. $k = \pm 3$ B. $k = \pm \sqrt{3}$ C. $k = \pm 2$ D. $k = \pm \sqrt{2}$	
Câu 158 :	Các đường thẳng có hệ số góc $k = 2$ và cách điểm $A(1 ; 0)$ một khoảng cách bằng $\sqrt{5}$ có các phương trình nào sau đây? A. $y = 2x + 4$ và $y = 2x - 7$ B. $y = 2x + 3$ và $y = 2x - 3$ C. $y = 2x - 3$ và $y = 2x + 4$ D. $y = 2x + 3$ và $y = 2x - 7$	
Câu 159 :	Một tam giác có phương trình các cạnh là: $x - y + 5 = 0$; $2x + y - 8 = 0$; $x + y - 1 = 0$. Tọa độ trọng tâm của tam giác là cặp số nào ? A. (1 ; 2) B. (1 ; -2) C. (2 ; -1) D. (2 ; 1)	
Câu 160 :	Tập hợp các điểm cách đường thẳng $\Delta : 3x - 4y + 2 = 0$ một khoảng bằng 2 là hai đường thẳng có phương trình nào sau đây? A. $3x - 4y + 8 = 0$ và $3x - 4y + 12 = 0$ B. $3x - 4y - 8 = 0$ và $3x - 4y + 12 = 0$ C. $3x - 4y - 8 = 0$ và $3x - 4y - 12 = 0$ D. $3x - 4y + 8 = 0$ và $3x - 4y - 12 = 0$	

Câu 161 :	Hệ số góc k của các đường thẳng đi qua điểm A(0 ; 1) và tạo với đường thẳng $\Delta: x + 2y - 6 = 0$ một góc 45° là bao nhiêu ? A. $k = \frac{1}{3}$ hoặc $k = -3$, C. $k = \frac{1}{3}$ hoặc $k = 3$, B. $k = \frac{1}{2}$ hoặc $k = -2$, D. $k = 2$ hoặc $k = -\frac{1}{2}$	
Câu 162 :	Có hai đường thẳng $y = kx$ và $x - y = 0$ hợp với nhau một góc 60° . Tổng hai giá trị của k là: A. 1 ; B. -4 ; C. -8 ; D. -1.	
Câu 163 :	Phương trình đường tròn có đường kính AB với A(-3 ; 1) và B(5 ; 7) là: A. $x^2 + y^2 + 2x + 8y - 8 = 0$; C. $x^2 + y^2 + 2x - 8y - 8 = 0$; B. $x^2 + y^2 - 2x + 8y - 8 = 0$; D. $x^2 + y^2 - 2x - 8y - 8 = 0$.	
Câu 164 :	Có bao nhiêu giá trị m nguyên để phương trình : $x^2 + y^2 - 2x + 2my + 10 = 0$ là phương trình đường tròn: A. 0 ; B. 5 ; C. 7 ; D. Vô số.	
Câu 165 :	Phương trình nào là phương trình của đường tròn tâm I (-3, 4) và bán kính R=2 ? A. $(x+3)^2+(y-4)^2- 4=0$ C. $(x+3)^2+(y+4)^2= 4$ B. $(x-3)^2+(y-4)^2= 4$ D. $(x+3)^2+(y-4)^2=2$	
Câu 166 :	Phương trình $x^2+y^2-2x+4y+1=0$ là phương trình của đường tròn nào ? A. Đường tròn tâm I (-1, 2) , bán kính R=1 B. Đường tròn tâm I(1 ; -2) , bán kính R =2 C. Đường tròn tâm I (2 ; -4) , bán kính R=2 D. Đường tròn tâm I(1 ; -2) , bán kính R =1	
Câu 167 :	Có hai đường tròn có cùng bán kính bằng 10 qua A(-3 ; 2) và B(1 ; -6) một đường tròn có tung độ của tâm là: A. -6 ; B. -9 ; C. -2 ; D. 7.	
Câu 168 :	Đường tròn (C) : $x^2 + y^2 - 2x + 4y - 4 = 0$ cắt đường thẳng $x - y + 1 = 0$ theo một dây cung có độ dài là: A. 1 ; B. 2 ; C. 3 ; D. Đáp số khác.	
Câu 169 :	Gọi (C) là đường tròn tiếp xúc với Oy tại A(0 ; 5) và có tâm thuộc đường thẳng $3x - y - 5 = 0$. Bán kính đường tròn có giá trị gần nhất với số nào dưới đây: A. 3,1 ; B. 3,2 ; C. 3,3 ; D. 3,4.	
Câu 170 :	Đường tròn (C) : $x^2 + y^2 + 6x - 4y + 3 = 0$ có bán kính là: A. $\sqrt{10}$; B. 3 ; C. 4 ; D. 29.	
Câu 171 :	Cho đường tròn (C) : $x^2 + y^2 + 4x + 4y - 17 = 0$, biết một tiếp tuyến song song với đường thẳng $\Delta : 3x - 4y + 12 = 0$. Phương trình tiếp tuyến đó là: A. $4x - 3y - 27 = 0$; C. $3x - 4y + 23 = 0$; B. $4x + 3y - 11 = 0$; D. $3x + 4y + 27 = 0$.	
Câu 172 :	Elip có phương trình : $4x^2 + 8y^2 = 32$ có tiêu cự là : A. 2 ; B. 4 ; C. $2\sqrt{3}$; D. $4\sqrt{2}$.	
Câu 173 :	Cho elip : $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{5} = 1$. Câu nào sau đây sai:	

	<p>A. Một tiêu điểm của elip là $(-2; 0)$; B. Một đỉnh trên trục nhỏ là $(0; \sqrt{5})$; C. Độ dài trục lớn là 6; D. Diện tích hình chữ nhật cơ sở là $3\sqrt{5}$</p>	
Câu 174 :	<p>Elip có một tiêu điểm là $F(3; 0)$ và cách đỉnh B một khoảng là 5 thì có độ dài trục nhỏ là: A. 2; B. 4; C. 8; D. 10.</p>	
Câu 175 :	<p>Elip (E) : $\frac{x^2}{5} + \frac{y^2}{1} = 1$. Điểm M trên (E) nhìn hai tiêu điểm dưới một góc vuông. Tung độ dương của M là : A. $\frac{1}{2}$; B. 1; C. 2; D. Đáp số khác.</p>	
Câu 176 :	<p>Cho elip : $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{5} = 1$. Điểm M trên (E) thỏa mãn điều kiện $F_1M - F_2M = 2$. Hoành độ của M gần nhất với số nào dưới đây? A. 1,4; B. 1,5; C. 1,6; D. 1,7.</p>	
Câu 177 :	<p>Cặp điểm nào là các tiêu điểm của elip (E) : $\frac{x^2}{5} + \frac{y^2}{4} = 1$? A. $F_{1,2} = (\pm 1; 0)$; B. $F_{1,2} = (\pm 3; 0)$; C. $F_{1,2} = (0; \pm 1)$; D. $F_{1,2} = (1; \pm 2)$.</p>	
Câu 178 :	<p>Elip (E) : $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{4} = 1$ có tâm sai bằng bao nhiêu ? A. $e = \frac{3}{2}$; B. $e = -\frac{\sqrt{5}}{3}$; C. $e = \frac{2}{3}$; D. $e = \frac{\sqrt{5}}{3}$;</p>	
Câu 179 :	<p>Cho elip có các tiêu điểm $F_1(-3; 0)$, $F_2(3; 0)$ và đi qua $A(-5; 0)$. Điểm $M(x; y)$ thuộc elip đã cho có các bán kính qua tiêu là bao nhiêu ? A. $MF_1 = 5 + \frac{3}{5}x$, $MF_2 = 5 - \frac{3}{5}x$; B. $MF_1 = 5 + \frac{4}{5}x$, $MF_2 = 5 - \frac{4}{5}x$; C. $MF_1 = 3 + 5x$, $MF_2 = -3 - 5x$; D. $MF_1 = 5 + 4x$, $MF_2 = 5 - 4x$.</p>	
Câu 180 :	<p>Elip (E) : $\frac{x^2}{p^2} + \frac{y^2}{q^2} = 1$, với $p > q > 0$, có tiêu cự là bao nhiêu ? A. $p + q$; B. $p^2 - q^2$; C. $p - q$; D. $2\sqrt{p^2 - q^2}$.</p>	